

SOẠN BÀI: TỪ VÀ CẤU TẠO CỦA TỪ TIẾNG VIỆT

I. Từ là gì?

Câu 1: Lập danh sách các từ và các tiếng trong các câu sau:

*Thần / dạy / dân / cách / trông / trượt, / chăn / nuôi / và / cách / ăn / ở.
(Con rông cháu tiên)*

Đáp án:

Các dấu gạch chéo là dấu hiệu lưu ý về ranh giới giữa các từ. Như vậy, có từ chỉ gồm một tiếng, có từ lại gồm hai tiếng.

Tiếng	Thần	dạy	dân	cách	trông	trượt	chăn	nuôi	và	ăn	ở
Từ	Thần	dạy	dân	cách	trông	trượt	chăn	nuôi	và	ăn	ở

Trong câu này, có 12 tiếng và 9 từ.

- Những từ một tiếng: Thần, dạy, dân, cách, và.

- Những từ hai tiếng: trông / trượt, chăn / nuôi, ăn / ở.

Câu 2: Các đơn vị được gọi là tiếng và từ có gì khác nhau?

Đáp án:

a. Phân biệt giữa từ và tiếng?

- Tiếng là âm thanh được phát ra. Mỗi tiếng là 1 âm tiết.

- Từ là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa dùng để đặt câu. Từ được tạo bởi một hoặc hai tiếng trở lên.

- Tiếng dùng để cấu tạo nên từ. Từ dùng để cấu tạo nên câu. Vai trò của từ được thể hiện trong mối quan hệ với các từ khác trong câu.

b. Khi nào một tiếng được coi là từ?

Một tiếng nào đấy được coi là từ chỉ khi nó có khả năng tham gia cấu tạo câu. Tiếng mà không dùng để cấu tạo câu thì cũng không mang ý nghĩa nào cả và như thế không phải là từ.

II. Từ đơn và từ phức

Câu 1: Điền các từ vào bảng phân loại:

“T^ừ/ đ^{ầy}/ n^{ước}/ t^a/ ch^{ăm}/ n^{ghê}/ t^{rờ}ng t^{rọt}/ ch^{ăn} n^{uôi}/ và/ c^ó/ t^{ục}/ l^{àm}/ b^{ánh} Ch^{ưng}/ b^{ánh} Gi^{ây}”

(Bánh Chưng, bánh Giây)

Đáp án:

Từ và cấu tạo của từ tiếng Việt

- Từ đơn là từ chỉ gồm một tiếng;
- Từ phức là từ gồm ít nhất hai tiếng.

Kiểu cấu tạo từ		Các từ cụ thể
Từ đơn		T ^ừ , đ ^{ầy} , n ^{ước} , t ^a , ch ^{ăm} , n ^{ghê} , và, c ^ó , t ^{ục} , n ^{gà} y, T ^{ết} , l ^{àm}
Từ phức	T ^ừ g ^{hép}	ch ^{ăn} n ^{uôi} , b ^{ánh} ch ^{ưng} , b ^{ánh} gi ^{ây}
	T ^ừ l ^á y	t ^{rờ} ng t ^{rọt}

Câu 2: Cấu tạo của từ đơn và từ láy có gì giống nhau và có gì khác nhau?

Đáp án:

Từ phức có hai loại khác nhau theo cấu tạo là từ ghép và từ láy.

- Từ ghép: ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa
- Từ láy: có quan hệ láy âm giữa các tiếng với nhau



III. Luyện tập

Câu 1. Đọc câu văn và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Người Việt Nam ta – con cháu vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên” (Con Rồng cháu Tiên)

Đáp án:

- Các từ nguồn gốc, con cháu thuộc kiểu từ ghép.
- Những từ đồng nghĩa với từ nguồn gốc: cội nguồn, gốc tích, ...
- Các từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc theo kiểu con cháu, anh chị, ông bà: anh em, cậu mợ, cô dì, chú bác, ...

Câu 2: Quy tắc sắp xếp các tiếng trong từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc:

Đáp án:

- Theo giới tính (nam trước, nữ sau): ông bà, cha mẹ, anh chị ... (có thể gặp ngoại lệ: mẹ cha, cô chú, ...)
- Theo bậc (vai vế, trên trước, dưới sau): cha anh, mẹ con, ông cháu, ... (có thể gặp ngoại lệ: chú bác, cha ông, cụ kị, ...)

Câu 3: Các từ tiếng đứng sau tiếng bánh có những đặc điểm để phân biệt các từ bánh với nhau là:

Đáp án:

Theo công thức “bánh + x”: Các tiếng đứng sau trong các từ ghép bánh rán, bánh nếp, bánh dẻo, bánh nướng, bánh gói, bánh tôm, bánh tẻ, bánh gai, bánh xốp, bánh khúc, bánh khoai, ... có thể nêu những đặc điểm về cách chế biến, chất liệu, tính chất, hình dáng của từng loại bánh:

- Nêu cách chế biến bánh : (bánh) rán, nướng, nhúng, tráng, ...
- Nêu tên chất liệu của bánh : (bánh) nếp, tẻ, tôm, khoai, ...
- Nêu tính chất của bánh : (bánh) dẻo, xốp, ...
- Nêu hình dáng của bánh : (bánh) gói, gai, ...

Câu 4. Từ láy “thút thít” trong câu “Nghĩ tủi thân, công chúa Út ngồi khóc thút thít” miêu tả cái gì?

Đáp án:

- Từ láy thút thít trong câu "Nghĩ tủi thân, công chúa Út ngồi khóc thút thít." miêu tả sắc thái tiếng khóc của con người (công chúa Út).
- Một số từ láy cùng tác dụng: nức nở, sụt sùi, rưng rức, ...

Câu 5. Những từ láy nào thường được dùng để tả tiếng cười, giọng nói, dáng điệu?

Đáp án:

- Tả tiếng cười: khanh khách, khúc khích, khà khà, sằng sặc, ...
- Tả giọng nói: ồm ồm, khàn khàn, thỏ thẻ, nhỏ nhẹ, léo nhéo, lè nhè, ...
- Tả dáng điệu: lom khom, lả lướt, khệnh khạng, nghênh ngang, khúm núm, ...